

TÌNH HÌNH BIỂN ĐẢO VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA HẢI TRÌNH CHÍ LƯỢC CỦA PHAN HUY CHÚ

■ PHẠM TUẤN VŨ (*)

Lâm Khanh Phan Huy Chú (1782 - 1840) thường được nhắc đến với tư cách là tác giả của 49 quyển *Lịch triều hiến chương loại chí* - “bộ bách khoa toàn thư đầu tiên và có giá trị nhất về lịch sử và văn hóa Việt Nam [...]”, tác phẩm đã đưa Phan Huy Chú lên vị trí các nhà bác học lớn của Việt Nam¹. Tuy nhiên, ông còn là tác giả của *Hải trình chí lược*, một trong những tác phẩm sớm nhất ghi về vùng biển, đảo Việt Nam trên hành trình đi về vùng Nam Dương. Tác phẩm này ghi lại nhiều phương diện về tình hình biển, đảo nước ta ở đầu thế kỷ XIX.

1. *Hải trình chí lược* - tác phẩm quan trọng về biển, đảo Việt Nam đầu thế kỷ XIX

Hải trình chí lược (海程誌畧) được Phan Huy Chú hoàn thành năm 1833, ghi lại chuyến đi hiệu lực bằng đường biển đến vùng Hạ Châu, cụ thể là Tân Gia Ba (Singapore) và Giang Lưu Ba (Kelapa/ Batavia, nay là Jakarta thuộc Indonesia) của Phan Huy Chú và phái bộ vào mùa đông năm 1832. Trong Lời dẫn để vào ngày tốt tuần đầu tháng trọng hạ năm Minh Mệnh thứ 14 (1833) ở đầu tác phẩm, tác giả ghi rõ: “Mùa đông năm ngoái sai theo thuyền Thụy Long sang Giang Lưu Ba để hiệu lực”². Đây được xem là “một trong những tác phẩm sớm nhất ghi chép ghi chép về những điều tai nghe mắt thấy trên hành trình đường biển đi về

phương Nam, đến những nước có sự hiện diện của người phương Tây”³.

Nội dung *Hải trình chí lược* gồm hai phần. Phần đầu là những ghi chép về vùng biển Việt Nam dọc theo hải trình từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận rồi rẽ sang Côn Đảo trước khi vào vịnh Thái Lan để đến Singapore. Phần sau là những ghi chép về vùng Hạ Châu. So với phần sau, phần đầu tương đối ngắn (7/43 mục⁴), nhiều nơi tác giả chỉ ghi lại khá sơ lược do điều kiện khách quan (không có nhiều thời gian tìm hiểu, chủ yếu quan sát từ xa). Tuy nhiên, *Hải trình chí lược* vẫn cung cấp nhiều thông tin quan trọng về tình hình biển, đảo Việt Nam dưới thời Minh Mệnh từ hệ thống địa danh, đặc điểm địa lý tự nhiên cho đến các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa... Được viết bằng một tư duy chặt chẽ, khả năng quan sát nhạy bén cùng hàm lượng tri thức phong phú, *Hải trình chí lược* thực sự là một trong những tư liệu quan trọng về biển, đảo Việt Nam cách đây gần 200 năm.

2. Giá trị tư liệu của *Hải trình chí lược* về biển, đảo Việt Nam

2.1 Hệ thống địa danh

Trong *Hải trình chí lược*, Phan Huy Chú đề cập đến rất nhiều địa danh gắn liền với vùng biển Việt

(*) Thạc sĩ, Thôn Điền Hòa, xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi - SĐT: 0935 790 659 - Email: famtuanvu@gmail.com

- Phan Huy Chú (1833), *Hải trình chí lược*, Phan Huy Lê, Claudine Salmon & Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu, NXB. Hà Nội, 2021, tr.20.
- Nguyên văn chữ Hán của tác phẩm được dẫn từ bản *Hải trình chí lược* do Phan Huy Lê, Claudine Salmon và Tạ Trọng Hiệp dịch, giới thiệu, NXB. Hà Nội, 2021. Phần dịch nghĩa chúng tôi sử dụng bản dịch của các tác giả trên.
- Đoàn Thị Thu Vân (2013), “*Hải trình chí lược* và sự chuyển mình của những quan niệm văn hóa nơi người trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XIX”, Tạp chí *Văn học*, số 1.
- Trong *Hải trình chí lược*, Phan Huy Chú không viết theo thứ tự thời gian, cũng không ghi đề mục. Tuy nhiên, qua các trình bày của ông, có thể nhận ra các chủ đề được thể hiện một cách độc lập. Chính trong Lời dẫn, ông cũng cho biết: “tùy theo những điều nghe biết, xin ghi lại hết, cộng lại hơn 40 điều”.

Nam từ Đà Nẵng vào đến Gia Định, trong đó có một số địa danh là những nơi không nằm trên hải trình của phái bộ. Hầu hết các địa danh này, trong đó có nhiều địa danh Nôm có nguồn gốc tiếng Chăm, được ghi lại bằng chữ Hán: Đảo Đại Chiêm (大占嶼), phường Tân Hiệp (新合坊), đảo Bàn Than (盤灘島), cửa Tiểu Áp (小壓口), Tiểu Man (小蠻口), cửa tấn Thái Cẩn (采芹汛), ấp An Vĩnh và ấp An Hải (安永安海二邑)⁵, bốn cửa tấn Sa Kỳ, cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh (沙圻古壘美亞沙黃四汛口), cửa Đề Di (提夷汛), núi Vọng Phu (望夫山), núi Thạch Bi (石碑山), vùng biển Bình Hòa (平和洋分), các núi Cù Huân, Thạch Bích (虬點石壁諸山), cửa tấn Vị Nê (渭泥汛), các vùng biển Ma Li, La Di (麻離羅夷諸洋分), đảo Côn Lôn (崑崙山), cửa Cẩn Hải (芹海門). Riêng đối với địa danh của Thời Phú (時富), cửa tấn thứ hai của Bình Định từ bắc vào, do kỵ húy vua Tự Đức nên được chép thành 寺富 (bỏ bộ “nhật”). Có thể bản chữ Hán *Hải trình chí lược* hiện nay là bản chép dưới thời Tự Đức.

Trong tác phẩm, có một số địa danh Nôm được ghi lại bằng chữ Hán gần âm. Chẳng hạn, địa danh Kê Gà của vùng biển Bình Thuận được viết bằng hai chữ “kê khê” (鷓溪), đây cũng là hai chữ ghi cho địa danh Kê Gà trên bản đồ trên Đồng Khánh địa dư chí lược, phần về tỉnh Bình Thuận. Địa danh của tấn Thị Nại thuộc vùng biển Bình Định được ghi bằng hai chữ Hán “thi nại” (尸耐). Địa danh cù lao Ré, tức đảo Lý Sơn được viết bằng chữ Hán “lý” (裡). Tương tự, tác giả dùng hai chữ Hán “vịnh lâm” (詠琳) để ghi cho địa danh Vũng Lắm ở Phú Yên. Riêng địa danh Hòn Nam ngoài vùng biển Quảng Nam, tác giả viết “Nam Phàm” (南凡). “Hòn” là chữ Nôm, lấy chữ Hán gần âm và gần nghĩa là “hoàn” (凡) để viết. Chữ “hoàn” này có âm đọc khác là “phàm” nên mới có cách viết “Nam Hòn/ Nam Hoàn/ Nam Phàm” như trong nguyên văn của tác phẩm.

Đặc biệt, trong *Hải trình chí lược*, Phan Huy Chú còn dùng chữ Nôm để ghi cho một số địa danh Nôm. Đó là các địa danh Đèo Cả (宕奇) là địa giới tự nhiên giữa Phú Yên và Khánh Hòa; Mũi Né (鷗泥, chữ Nôm “mũi” tự tạo, chữ Nôm “né” ghi bằng chữ Hán “nê”) ở Bình Thuận.

Không chỉ đơn thuần ghi lại tên gọi, đối với một số trường hợp, khi nhắc đến địa danh, tác giả còn chú thêm tên gọi dân gian của địa danh đó. Chẳng hạn, đối với đảo Đại Chiêm, tác giả chú thêm “tục gọi là cù lao Chàm” (俗号劬劳占); với đảo tiền tiêu của Quảng Ngãi, tác giả không nêu tên gọi hành chính mà chỉ chú “tục gọi cù lao Ré” (俗号峒劳裡)... Tác giả còn giải thích nguồn gốc tên gọi địa danh như trường hợp núi

Vọng Phu ở Bình Định. Đối với địa danh này, tác giả dành phần chú khá dài, kể lại câu chuyện hai anh em lưu lạc rồi lấy nhau thành vợ chồng, có con. Người chồng vô tình phát hiện vợ là em mình nhờ vết sẹo trên đầu do lúc nhỏ nghịch dại đánh em gái, vì xấu hổ mà mượn cớ đi buôn rồi trốn vào Gia Định. Người vợ không hiểu căn nguyên, đành ôm con lên núi ngóng chồng hóa đá. Cuối phần chú này, tác giả giải thích: “*Trên núi có một hòn đá rất giống người đàn bà ôm con, nên đặt tên là núi Vọng Phu*”. Tác giả còn cho biết thêm, truyền thuyết này không thấy chép trong các sách *Lĩnh nam chí quái*, *Việt điện u linh*.

Nhiều địa danh nổi tiếng của vùng biển Bình Định, Phú Yên được đề cập đến trong tác phẩm với các sự kiện lịch sử quan trọng. Chẳng hạn, viết về cửa Thị Nại, Phan Huy Chú nhắc lại cuộc chiến giữa chúa Nguyễn Ánh với vương triều Tây Sơn 30 năm trước; viết về núi Đá Bia và vùng Diên Khánh, Bình Khang tức Bình Hòa của Khánh Hòa, ông nhắc lại cuộc viễn chinh của vua Lê Thánh Tông đối với Chiêm Thành và của chúa Hiên Nguyễn Phúc Tần sau này. Các thông tin sử liệu này làm cho những ghi chép về địa danh của Phan Huy Chú thêm sinh động và có chiều sâu hơn.

Như vậy, với việc ghi lại nhiều địa danh, chú thích tên gọi dân gian, giải thích nguồn gốc nguồn gốc tên gọi, cung cấp thông tin sử liệu liên quan đến địa danh, *Hải trình chí lược* là một trong những tác phẩm có giá trị tư liệu cao đối với việc tìm hiểu tên gọi, cách viết các địa danh biển, đảo vùng Nam Trung Bộ nước ta vào đầu thế kỷ XIX.

2.2 Đặc điểm địa lí tự nhiên

Dù không thể ghi lại một cách đầy đủ về vùng biển từ Đà Nẵng vào đến Bình Thuận nhưng khi viết về một đối tượng nào đó trên hải trình của phái bộ, Phan Huy Chú đều cố gắng mô tả kỹ lưỡng. Cho nên, hầu hết các đối tượng được đề cập đến trong *Hải trình chí lược* đều gắn với thông tin về vị trí địa lý khá cụ thể. Chẳng hạn, mở đầu *Hải trình chí lược*, trong phần ghi về cù lao Chàm của Quảng Nam, tác giả cho biết: “Đảo này cách cửa tấn ước chừng hơn một canh đi bằng thuyền”. Vị trí của đảo Lý Sơn cũng được miêu tả khá rõ: “*Ngoài cửa Thái Cẩn của Quảng Ngãi có đảo tục gọi Cù lao Ré, là tiền trấn ngoài biển của tỉnh thành này. Thuyền đi hơn hai canh mới đến*”. Vị trí của Côn Đảo cũng được đề cập đến trong tác phẩm: “Đảo Côn Lôn và cửa Cẩn Hải đối nhau”.

Cùng với đó, *Hải trình chí lược* còn miêu tả khá chân thực đặc điểm tự nhiên của nhiều cửa biển, đảo, núi, cồn cát, bến bãi... của vùng biển Việt Nam từ hải

5. Có lẽ Phan Huy Chú nhầm hoặc dùng từ “ấp” với nghĩa “làng xóm” nói chung vì dưới thời Minh Mệnh, hai đơn vị hành chính trên cù lao Ré đã là An Vĩnh phường và An Hải phường.

phận Quảng Nam vào đến Côn Đảo. Từ ghi chép của Phan Huy Chú, có thể biết, ở đầu thế kỷ XIX, trên núi của cù lao Chàm và đảo Côn Lôn “có nhiều yến sào”. Cảnh quan, địa hình của đảo Lý Sơn: “Trên đảo cây cỏ um tùm, đất cát bằng phẳng”. Cửa Vũng Lắm của Phú Yên bên trong “bốn bên núi vây quanh”, “rộng như cái đầm lớn” nhưng bên ngoài thì “nhiều núi, mỗi khi gió nổi lên thì sóng to cuộn cuộn, làm người ta kinh sợ”. Cửa Vĩ Nê ở Bình Thuận “có một dãy núi đâm ngang tục gọi là Mũi Né, ngoài ra đều là những cồn cát” và vùng biển Vĩ Nê thì “tôm cá nhiều”. Theo quan sát của Phan Huy Chú trên chuyến đi mùa đông năm 1832, so với vùng biển Phú Yên, vùng biển Khánh Hòa và Bình Thuận biển lặng, sóng êm hơn nhiều...

Có thể thấy, những ghi chép cách đây gần 200 năm của Phan Huy Chú không khác nhiều so với hiện nay. Đây là những tư liệu đáng tin cậy đối với việc tìm hiểu đặc điểm địa lý tự nhiên của vùng biển vùng Nam Trung Bộ ở đầu thế kỷ XIX.

2.3 Tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa

Bên cạnh các đặc điểm địa lý tự nhiên, Phan Huy Chú trong *Hải trình chí lược* còn dành một thời lượng tương đối lớn để ghi lại tình hình dân cư, kinh tế, xã hội, văn hóa... của nhiều nơi thuộc vùng biển từ Quảng Nam vào đến Côn Đảo. Đây thực sự là những tư liệu quý về tình hình biển, đảo nước ta dưới thời Minh Mệnh.

Về tình hình dân cư, trên đảo Đại Chiêm “có phường Tân Hiệp, dân cư khá trù mật”; vùng cửa Vũng Lắm của Phú Yên “nhà cửa vườn cây liên tiếp trù mật”; vùng cửa tấn Vĩ Nê của Bình Thuận “dân cư trù mật”; trên đảo Côn Lôn có “xóm làng trù mật, dân cư đông đúc”. Đặc điểm dân cư vùng biển, đảo Nam Trung Bộ cũng được ít nhiều đề cập đến trong *Hải trình chí lược*, tiêu biểu như khi đề cập đến cư dân trên cù lao Ré của Quảng Ngãi, tác giả viết: “Sinh sống nơi mặt nước chân mây, phong tục chất phác”.

Tình hình kinh tế vùng biển Việt Nam đầu thế kỷ XIX cũng được đề cập khá cụ thể trong *Hải trình chí lược*. Từ những ghi chép của Phan Huy Chú, ta có thể biết được cách đây gần 200 năm, người dân trên cù lao Chàm có nghề khai thác yến sào và trước đó, dưới thời các chúa Nguyễn đã “đặt ra đội Hoàng Sa để đi lấy tổ yến”. Tác phẩm cho biết cư dân hai phường An Vĩnh, An Hải trên cù lao Ré phải “đóng thuế dầu lạc”. Đây là dữ liệu quan trọng để cho thấy dưới thời Minh Mệnh, nghề trồng đậu phụng và ép dầu phụng đã rất phát triển trên hòn đảo này.

Hoạt động thương mại đường biển dưới thời Minh Mệnh cũng được phản ánh trong *Hải trình chí lược*. Theo quan sát của Phan Huy Chú, của Thị Nại của Bình Định “thuyền bè san sát, đó là cảng khẩu lớn”; ở cửa Vũng Lắm “có một cảng cho thuyền đi qua”; cửa Vĩ Nê có nhiều “thuyền biển qua đây thường tạm đỗ lại để mua sắm thực phẩm”. Vị trí của Côn Đảo trong các hải trình quốc tế cũng được đề cập đến trong tác phẩm: “Đảo ấy là nơi làm tiêu chí cho các thuyền đi lại ở biển Nam định hướng”.

Một số phương diện khác về tình hình biển đảo Việt Nam đầu thế kỷ XIX cũng được đề ghi nhận trong *Hải trình chí lược*. Về việc phòng biển, tác phẩm cho biết tại Côn Đảo “xưa nay đã đặt thủ ngự ở đó để tuần phòng mặt biển”. Hoạt động đặt các kho quan thường gần các cửa biển của nhà nước cũng được ghi lại trong phần viết về cửa tấn Thời Phú. Đặc biệt, trong phần này, Phan Huy Chú còn nhắc lại việc bản thân ông từng vâng mệnh đến phát thóc gạo tại kho quan thường tại vùng cửa Thời Phú năm 1829. Bên cạnh đó, tín ngưỡng vùng biển cũng được *Hải trình chí lược* nhắc đến khi viết về núi Vọng Phu: “Phàm các thuyền quan đây, ai muốn cầu gió nam, làm lễ kỳ đảo đều ứng nghiệm”.

Có thể nói, chiếm 7/43 nội dung chính của tác phẩm, được viết sơ lược với chỉ trên dưới 1000 chữ vì trọng tâm tác phẩm là ghi chép về các nước vùng Nam Dương để “có thể góp một phần nhỏ cho việc quan phong của thánh triều” như chính tác giả trình bày trong lời dẫn những chính phần viết về vùng biển Việt Nam ở đầu tác phẩm lại có một giá trị đặc biệt. Đây là tư liệu đương thời quan trọng, góp phần làm sáng rõ nhiều vấn đề về tình hình biển đảo Việt Nam ở đầu thế kỷ XIX.

3. Giá trị văn chương của *Hải trình chí lược* về biển, đảo Việt Nam

Hải trình chí lược là tác phẩm viết theo thể chí. Nguyễn Hữu Sơn cho rằng đây là một “thiên du ký công vụ [...] có sự đan xen giữa các thể văn ghi chép địa lý hành chính và chép sử, điều tra xã hội học và dân tộc học, kinh tế học và văn hóa học, nhân học và phong tục học [...], thiên về tả hơn là kể, dẫn giải thực tại một cách khách quan hơn là bộc lộ tiếng nói chủ quan của tác giả”⁶. Các dịch giả *Hải trình chí lược* cũng khẳng định: “Lý Văn Phúc cũng như Phan Huy Chú đã hết sức tránh đưa vào trong bút kí “chính thức” của các ông tình cảm và xúc động, những cái thường chỉ dành cho thơ ca”⁷. Tuy nhiên, những nhận định

6. Nguyễn Hữu Sơn (2012), “Thể tài văn xuôi du ký chữ Hán thế kỷ XVIII-XIX và những đường biên thể loại”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5, tr.80.

7. Phan Huy Chú (1833), *Hải trình chí lược*, Sđd, tr.32.

trên có lẽ chỉ đúng cho phần viết về các nước vùng Hạ Châu. Bởi lẽ, phần đầu viết về vùng biển Việt Nam của *Hải trình chí lược* mang cảm xúc đậm nét và giá trị văn học rất cao.

Viết về các vùng biển, ven biển, hải đảo của nước ta, tác giả Phan Huy Chú không giấu niềm yêu quý, tự hào. Viết về các đảo cù lao Chàm, cù lao Ré, Côn Lôn, tác giả không tiếc lời ca ngợi “đây cũng là một thắng cảnh”, “so với Đại Chiêm, cảnh trí ở đây đẹp hơn”, “phong cảnh thật là đẹp”. Đi qua những di tích nổi tiếng ven biển, tác giả bộc lộ niềm tự hào sâu xa về công cuộc mở cõi của tiền nhân: “Các thánh tiếp nối khai thác đến tận biển Nam. Cho đến nay xa gần đều thống nhất, văn hóa phép tắc như nhau. Việc mở mang đất đai tăng thêm lãnh thổ phải đợi đến thời thịnh trị”; về nền thái bình, thống nhất đất nước đầu thời nhà Nguyễn: “Từ ngày quốc triều bình định, trời đất yên, sóng biển lặng [...]. Cảnh sắc thanh bình thật đáng vui thích”. Rồi lãnh hải nước ta để vào hải phận quốc tế, tác giả không giấu được niềm xúc động bùi ngùi: “Trời rộng, chim mất hút, bấy giờ biết đảo này đã cách xa. Đường biển xa vời, không thể quay nhìn lại được nữa. Vì vậy trong lòng vừa tiếc lại vừa buồn”. Rõ ràng, trong *Hải trình chí lược*, “tác giả tỏ rõ là người Việt Nam, khi đi dọc theo bờ biển của đất nước mình và tình cảm dân tộc biểu lộ mãnh liệt”⁸.

Trong phần viết về vùng biển, đảo Việt Nam, *Hải trình chí lược* có không ít những câu văn giàu hình ảnh và cảm xúc, đậm chất trữ tình, đẹp như những áng văn chương thực thụ, ví như: “Một xóm dân ở chiếm riêng cõi mây nước sóng gió này”; “nhìn xa chỉ thấy khói mây, và sóng cả nhấp nhô giữa đảo xanh biếc”; “Tiếng sóng như muôn ngựa phi dồn”; “Nước chảy như tên bắn, thuyền đi như bay”; “Ngoài ra đều là các cồn cát, nhìn thấy sáng lấp lánh”...

Có thể nói, cùng với giá trị tư liệu, giá trị văn chương đã góp phần làm nên vị trí đặc biệt cho *Hải trình chí lược*. Đó là vị trí của một trong những tác phẩm xuất sắc trong dòng văn học viết về biển, đảo ở nước ta thời trung đại.

Tóm lại, trong bối cảnh một loạt tác phẩm ra đời sau những chuyến công cán để hiệu lực của quan lại người Việt đi về phía Nam Dương ở nửa đầu thế kỷ XIX (như *Tây hành kiến văn kỷ lược* và *Tây hành thi kỷ* của Lý Văn Phúc, thơ của Cao Bá Quát), *Hải trình chí lược* của Phan Huy Chú là “một ký sự đặc biệt”⁹. Một trong những giá trị làm nên điều đặc biệt của tác phẩm là những ghi chép sinh động về vùng biển, đảo Việt Nam từ Quảng Nam vào đến Côn Đảo. *Hải trình chí lược* không chỉ là tư liệu đương thời đáng tin cậy mà còn là một tác phẩm giá trị về tình hình biển, đảo nước ta ở nửa đầu thế kỷ XIX./.

8. Phan Huy Chú (1833), *Hải trình chí lược*, Sđd, tr.32.

9. Vũ Văn Hà, Lê Văn Thanh, Lữ Thị Huệ (2022), “Nhân quan của Phan Huy Chú về biển đảo Việt Nam trong *Hải trình chí lược*”, Tạp chí *Khoa học* – Trường Đại học Hồng Bàng, số 58, tr.43.